

Luật số:...../20..../QH15

Hà Nội, ngày tháng..... năm.....

DỰ THẢO 1

**DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
LUẬT THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Thương mại điện tử.*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật quy định về việc phát triển, ứng dụng và quản lý hoạt động thương mại điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại điện tử trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm:

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân Việt Nam;
- Cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam;
- Thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Quy định rõ các khái niệm như: “hoạt động thương mại điện tử”, “thương mại số”, “nền tảng số thương mại điện tử”; “Nền tảng số trung gian trong thương mại điện tử”; “website thương mại điện tử”, “ứng dụng thương mại điện tử”, “dịch vụ thương mại điện tử”, “nền tảng số đa dịch vụ”, “dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử”, “dịch vụ tiếp thị liên kết cho thương mại điện tử”, “Chủ quản nền tảng số”, “Chủ quản nền tảng số trung gian thương mại điện tử”, v.v...

Điều 4. Các nguyên tắc hoạt động thương mại điện tử

- Nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận trong giao dịch thương mại điện tử.
- Nguyên tắc xác định phạm vi hoạt động kinh doanh trong thương mại điện tử.

- Nguyên tắc xác định nghĩa vụ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động thương mại điện tử.

- Nguyên tắc đồng nhất giữa kinh doanh hàng hóa trong môi trường truyền thống và môi trường điện tử.

- Nguyên tắc xử lý về lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử.

- Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 5. Những hành vi bị cấm

- Nhóm hành vi bị cấm dành cho thương nhân, tổ chức, cá nhân kinh doanh trên nền tảng số thương mại điện tử

- Nhóm hành vi bị cấm dành cho chủ quản nền tảng số thương mại điện tử: cấm chỉnh sửa hoặc không công khai đánh giá của người dùng làm thay đổi nội dung đánh giá... trừ trường hợp nội dung đánh giá vi phạm các quy định pháp luật Việt Nam v.v..

- Nhóm hành vi bị cấm dành cho thương nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ xuyên biên giới thông qua TMĐT: Không được cung cấp hàng hóa, dịch vụ khi chưa hoàn thành thủ tục với cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

- Nhóm hành vi bị cấm dành cho đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử (dịch vụ trung gian, dịch vụ logistics, thanh toán v.v.): không hợp tác, cung cấp dịch vụ cho nền tảng số thương mại điện tử chưa đáp ứng điều kiện hoạt động tại Việt Nam.

Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phát triển thương mại điện tử

- Tạo điều kiện thuận lợi để thương nhân, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng, đa dạng hóa các kênh phân phối hiện đại, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

- Tạo điều kiện thuận lợi huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, phát triển nhân lực cho cơ quan, tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về thương mại điện tử và cơ quan, tổ chức có liên quan; khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa công tác tư vấn, hỗ trợ, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, kiến thức, hướng dẫn kỹ năng về thương mại điện tử.

- Đẩy mạnh hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong thương mại điện tử.

- Nâng cao đạo đức kinh doanh, hình thành văn hóa tiêu dùng an toàn, văn

minh, lành mạnh và bền vững; Nâng cao trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên không gian mạng.

- Thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử xanh và bền vững; Nâng cao trách nhiệm của các bên tham gia thương mại điện tử tối ưu hóa quy trình sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ, sử dụng công nghệ, vật liệu thay thế và các giải pháp thân thiện môi trường hướng đến kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Thúc đẩy, phát triển thương mại số, đảm bảo tính minh bạch của thông tin và tiếp cận thông tin; không phân biệt đối xử giữa các sản phẩm số với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ truyền thống; tránh các biện pháp mang tính hạn chế thương mại số, cân bằng giữa mục tiêu quản lý thương mại số với mục tiêu thúc đẩy sự phát triển của thương mại số; đảm bảo tự do lưu chuyển dữ liệu xuyên biên giới đồng thời có các biện pháp đảm bảo tính giải trình, trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ dữ liệu; nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với thương mại số.

- Hình thành cơ chế cộng đồng giám sát hoạt động thương mại điện tử; Xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm thương mại điện tử.

- Thủ tướng Chính phủ quy định về nội dung Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia và thương mại số theo từng thời kỳ.

- Giao Bộ Công Thương quy định về đối tượng tham gia, phạm vi áp dụng, cơ chế quản lý, hỗ trợ kinh phí của Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia và thương mại số theo từng thời kỳ.

Chương II

GIAO KẾT HỢP ĐỒNG SỬ DỤNG CHỨC NĂNG ĐẶT HÀNG TRỰC TUYẾN TRÊN NỀN TẢNG SỐ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 7. Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử trong thương mại

Quy định tiêu chí đảm bảo giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử trong thương mại

Điều 8. Địa điểm kinh doanh của các bên

- Địa điểm kinh doanh của mỗi bên là địa điểm do bên đó chỉ ra, trừ khi bên khác nêu rõ bên đó không có địa điểm kinh doanh tại địa điểm này.

- Trong trường hợp một bên có nhiều địa điểm kinh doanh nhưng không chỉ ra địa điểm kinh doanh nào thì địa điểm kinh doanh là địa điểm có mối quan hệ mật thiết nhất với hợp đồng liên quan xét tới mọi bối cảnh trước và tại thời

điểm giao kết hợp đồng.

- Trong trường hợp một cá nhân không có địa điểm kinh doanh thì địa điểm kinh doanh là nơi đăng ký thường trú của cá nhân đó.

- Một địa điểm không được coi là địa điểm kinh doanh nếu địa điểm đó chỉ là nơi đặt máy móc, thiết bị công nghệ của hệ thống thông tin do một bên sử dụng để giao kết hợp đồng hoặc chỉ là nơi các bên khác có thể truy cập hệ thống thông tin đó.

- Một địa danh gắn với tên miền hay địa chỉ thư điện tử của một bên không nhất thiết liên quan tới địa điểm kinh doanh của bên đó.

Điều 9. Thông báo mời đề nghị giao kết hợp đồng

- Một thông báo bằng chứng từ điện tử về đề nghị giao kết hợp đồng mà không có bên nhận cụ thể thì chỉ là thông báo mời đề nghị giao kết hợp đồng. Thông báo đó chưa được coi là đề nghị giao kết hợp đồng, trừ khi bên thông báo chỉ rõ tại thông báo đó trách nhiệm của mình trong trường hợp nhận được trả lời chấp nhận.

- Nếu một nền tảng số thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến áp dụng cho từng hàng hóa hoặc dịch vụ cụ thể được giới thiệu trên nền tảng số thương mại điện tử đó, thì các thông tin giới thiệu về hàng hóa, dịch vụ và các điều khoản liên quan được coi là thông báo mời đề nghị giao kết hợp đồng của thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng theo quy định tại Điều này.

Điều 10. Cung cấp các điều khoản của hợp đồng khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên nền tảng số thương mại điện tử

- Nền tảng số thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến phải cung cấp cho khách hàng thông tin về các điều khoản của hợp đồng trước thời điểm khách hàng gửi đề nghị giao kết hợp đồng.

- Chính phủ quy định chi tiết về các thông tin về các điều khoản của hợp đồng trên các nền tảng số thương mại điện tử.

Điều 11. Đề nghị giao kết hợp đồng

Chứng từ điện tử do khách hàng khởi tạo và gửi đi bằng cách sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến được coi là đề nghị giao kết hợp đồng của khách hàng đối với hàng hóa hoặc dịch vụ gắn kèm chức năng đặt hàng trực tuyến đó.

Điều 12. Rà soát và xác nhận nội dung hợp đồng

Nền tảng số thương mại điện tử phải có cơ chế cho phép khách hàng rà soát,

bổ sung, sửa đổi và xác nhận nội dung giao dịch trước khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến để gửi đề nghị giao kết hợp đồng. Cơ chế rà soát và xác nhận này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Hiện thị cho khách hàng những thông tin sau:

a) Tên hàng hóa hoặc dịch vụ, số lượng và chủng loại;

b) Phương thức và thời hạn giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ;

c) Tổng giá trị của hợp đồng và các chi tiết liên quan đến phương thức thanh toán được khách hàng lựa chọn.

Những thông tin này phải có khả năng lưu trữ, in ấn được trên hệ thống thông tin của khách hàng và hiển thị được về sau.

- Hiện thị cho khách hàng những thông tin về cách thức trả lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng và thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng.

- Cho phép khách hàng sau khi rà soát những thông tin nói trên được lựa chọn hủy giao dịch hoặc xác nhận việc đề nghị giao kết hợp đồng.

Điều 13. Trả lời đề nghị giao kết hợp đồng

1. Trả lời chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng phải được thực hiện dưới hình thức phù hợp để thông tin có thể lưu trữ, in và hiển thị được tại hệ thống thông tin của khách hàng.

2. Khi trả lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng của khách hàng, thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng phải cung cấp cho khách hàng những thông tin sau:

a) Danh sách toàn bộ hàng hóa hoặc dịch vụ khách hàng đặt mua, số lượng, giá của từng sản phẩm và tổng giá trị hợp đồng;

b) Thời hạn giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ;

c) Thông tin liên hệ để khách hàng có thể hỏi về tình trạng thực hiện hợp đồng khi cần thiết.

Điều 14. Chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng

- Trường hợp thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng có công bố thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng, nếu hết thời hạn này mà khách hàng vẫn không được trả lời thì đề nghị giao kết hợp đồng của khách hàng chấm dứt hiệu lực. Việc trả lời chấp nhận sau thời hạn này được coi là một đề nghị giao kết hợp đồng khác từ phía thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng.

- Trường hợp thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng không công bố rõ thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng, nếu trong vòng 12 (mười hai) giờ kể từ khi gửi đề nghị giao kết hợp đồng, khách hàng không nhận được trả lời đề nghị giao kết hợp đồng thì đề nghị giao kết hợp đồng của khách hàng được coi là chấm dứt hiệu lực.

Điều 15. Thời điểm giao kết hợp đồng khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên nền tảng số thương mại điện tử

Thời điểm giao kết hợp đồng khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên nền tảng số thương mại điện tử là thời điểm khách hàng nhận được trả lời của thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật này.

Điều 16. Thủ tục chấm dứt hợp đồng đối với hợp đồng dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ trực tuyến khác

- Nền tảng số thương mại điện tử phải cung cấp công cụ trực tuyến để khách hàng có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng khi hết nhu cầu sử dụng dịch vụ. Công cụ này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Cho phép khách hàng lưu trữ và hiển thị thông báo chấm dứt hợp đồng trong hệ thống thông tin của mình sau khi gửi đi;

b) Có cơ chế phản hồi để khách hàng biết thông báo chấm dứt hợp đồng của mình đã được gửi.

- Nền tảng số thương mại điện tử phải công bố thông tin minh bạch, đầy đủ về quy trình, thủ tục chấm dứt hợp đồng, bao gồm các nội dung sau:

a) Các trường hợp thương nhân, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ chấm dứt hợp đồng và cách thức giải quyết hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng này;

b) Thời điểm hợp đồng chấm dứt hiệu lực và cách thức thanh toán phí dịch vụ trong trường hợp khách hàng là bên chấm dứt hợp đồng;

c) Nếu nền tảng số thương mại điện tử không công bố rõ thời điểm hợp đồng chấm dứt hiệu lực trong trường hợp khách hàng là bên chấm dứt hợp đồng, thì thời điểm khách hàng gửi thông báo được coi là thời điểm hợp đồng chấm dứt.

Chương III

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 17. Các loại hình hoạt động thương mại điện tử

- Nền tảng số thương mại điện tử, bao gồm:
 - + Nền tảng số trung gian thương mại điện tử.
 - + Nền tảng số thương mại điện tử bán hàng.
- Nền tảng số đa dịch vụ trong phạm vi Luật này: là nền tảng số trung gian thương mại điện tử và có thêm các dịch vụ khác.
- Chính phủ quy định các loại hình hoạt động thương mại điện tử của nền tảng số thương mại điện tử phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Điều 18. Các chủ thể tham gia hoạt động thương mại điện tử

- Người bán trên nền tảng số thương mại điện tử
- Chủ quản nền tảng số trung gian thương mại điện tử
- Chủ quản nền tảng số thương mại điện tử bán hàng
- Các thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử

Mục 1

Nền tảng số thương mại điện tử bán hàng

Điều 19. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng số thương mại điện tử bán hàng

- Phân cấp thủ tục hành chính đối với nền tảng số thương mại điện tử bán hàng cho địa phương quản lý.
- Quy định cụ thể các trách nhiệm của nền tảng số thương mại điện tử bán hàng về chính sách, quy định, thông tin hàng hóa, dịch vụ và phân loại hàng hóa trong nước hay nước ngoài bán trên nền tảng.
- Quy định về cung cấp thông tin định kỳ, báo cáo về tình hình kinh doanh trên nền tảng.
- Quy định về một trách nhiệm, điều kiện đối với người thực hiện livestream hoặc những người tư vấn bán hàng hóa, dịch vụ thuộc các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
- Lưu trữ đầy đủ thông tin về hàng hóa, dịch vụ, thông tin về giao dịch trên

nền tảng.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2

Nền tảng số trung gian thương mại điện tử

Điều 20. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian thương mại điện tử

- Thực hiện thủ tục đăng ký với Bộ Công Thương về hoạt động cung cấp dịch vụ nền tảng số trung gian thương mại điện tử.

- Quy định cụ thể trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian thương mại điện tử về: các chính sách và quy định của nền tảng, công khai, minh bạch thông tin hàng hóa, dịch vụ, người bán, đánh giá về chất lượng hàng hóa, dịch vụ, các thông tin phải lưu trữ, thông tin phải công khai về người bán, thông tin phải cung cấp cho người mua và phân loại hàng hóa trong nước hay nước ngoài, đảm bảo tỷ lệ mặt hàng sản xuất trong nước đáp ứng các Chiến lược phát triển thị trường bán lẻ Việt Nam theo từng thời kỳ.

- Quy định về định danh người bán trên nền tảng số trung gian thương mại điện tử.

- Quy định về các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ để kiểm duyệt nội dung về hàng hóa, dịch vụ trước khi thông tin về hàng hóa, dịch vụ hiển thị trên nền tảng số thương mại điện tử.

- Quy định về phối hợp, hỗ trợ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ điều tra, xử lý các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp, khiếu nại.

- Quy định cung cấp các thông tin định kỳ hoặc khi có yêu cầu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Quy định về xử lý, giải quyết tranh chấp, khiếu nại trên các nền tảng số trung gian thương mại điện tử.

- Quy định trách nhiệm liên đới của chủ quản nền tảng số trung gian thương mại điện tử có người bán nước ngoài về giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến hàng hóa, dịch vụ do thương nhân nước ngoài cung cấp, nghĩa vụ thuế.

- Quy định về lưu trữ thông tin về hàng hóa, dịch vụ, thông tin về giao dịch

trên nền tảng.

- Liên đới bồi thường thiệt hại trong trường hợp không có biện pháp xử lý kịp thời các hành vi vi phạm mà gây thiệt hại.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 21. Trách nhiệm của người bán trên nền tảng số trung gian thương mại điện tử

- Thực hiện định danh người bán theo pháp luật về định danh và xác thực điện tử trước khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

- Cung cấp thông tin cho nền tảng số trung gian thương mại điện tử về tên thương nhân, địa chỉ, mã số định danh của thương nhân, tổ chức hoặc mã số thuế thu nhập cá nhân.

- Công bố công khai điều kiện giao dịch chung, giá cả, vận chuyển và giao nhận, phương thức thanh toán (nếu có).

- Tuân thủ các quy định về minh bạch thông tin hàng hóa, dịch vụ; các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Điều 22. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng số đa dịch vụ

Ngoài các trách nhiệm giống như một chủ nền tảng số thương mại điện tử, tùy vào hình thức hoạt động của nền tảng số thương mại điện tử mà chủ quản nền tảng số đa dịch vụ có thêm các trách nhiệm như: Phân loại tài khoản, Tách biệt nội dung hoạt động thương mại điện tử với nội dung khác.

Mục 3

Hoạt động thương mại điện tử có yếu tố nước ngoài

Điều 23. Hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới

- Thương nhân, tổ chức có hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới vào thị trường Việt Nam là thương nhân, tổ chức nước ngoài thông qua nền tảng số thương mại điện tử của mình bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ vào thị trường Việt Nam.

- Thương nhân, tổ chức có hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới vào thị trường Việt Nam phải xin cấp phép với Bộ Công Thương và thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc chỉ định đại diện theo ủy quyền của mình là pháp nhân tại Việt Nam.

- Quy định trách nhiệm của văn phòng đại diện hoặc pháp nhân được ủy

quyền tại Việt Nam nhằm đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng tại Việt Nam.

- Quy định trách nhiệm xác thực người bán nước ngoài và bồi thường người mua trước khi có vi phạm trên nền tảng.

- Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 24. Hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực thương mại điện tử

- Thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động đầu tư vào lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam là thương nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư vào lĩnh vực thương mại điện tử theo pháp luật về đầu tư.

- Nhóm 05 doanh nghiệp dẫn đầu thị trường phải có ý kiến thẩm định về an ninh quốc gia của Bộ Công an.

- Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 25. Thương nhân, tổ chức nước ngoài bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số thương mại điện tử

- Trách nhiệm tương tự như người bán trong nước trên nền tảng số thương mại điện tử

- Cần cung cấp các thông tin cho chủ quản nền tảng số trung gian thương mại điện tử và các biện pháp đảm bảo xác thực thông tin về người bán và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn, kỹ thuật của sản phẩm khi bán vào thị trường Việt Nam.

- Việc công bố thông tin của người bán nước ngoài phải được phiên âm bằng tiếng Việt hoặc thể hiện bằng ký tự La tinh.

- Quy định về phương thức thanh toán để đảm bảo vấn đề an ninh tiền tệ.

Điều 26. Hàng hóa nước ngoài được bán, dịch vụ nước ngoài được cung cấp vào thị trường Việt Nam

- Phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về hàng hóa, dịch vụ của thị trường Việt Nam.

- Chính phủ quy định danh mục hàng hóa được phép nhập khẩu qua thương mại điện tử.

Chương IV

CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 27. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động thương mại điện tử

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động thương mại điện tử là các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp một, một số hoặc toàn bộ các dịch vụ sau: cung cấp phương tiện kỹ thuật để tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đưa nội dung thông tin hàng hóa, dịch vụ lên môi trường mạng; cung cấp kết nối trực tuyến cho công chúng tiếp cận, sử dụng nội dung thông tin hàng hóa, dịch vụ trên môi trường mạng.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian có trách nhiệm triển khai các biện pháp, giải pháp kỹ thuật, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các chủ thể quyền thực thi các biện pháp khi có vi phạm về thương mại điện tử xảy ra trên môi trường mạng.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Dịch vụ đánh giá tín nhiệm trong thương mại điện tử

- Dịch vụ đánh giá tín nhiệm trong thương mại điện tử là hoạt động của một thương nhân, tổ chức độc lập đánh giá các nền tảng số thương mại điện tử theo các bộ tiêu chí cụ thể.

- Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 29. Dịch vụ tiếp thị liên kết

- Dịch vụ tiếp thị liên kết là một loại hình cung cấp dịch vụ trong đó nhà cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết sẽ trả phí cho các nhà tiếp thị liên kết để tạo ra đường dẫn để truy cập tới trang các nền tảng số thương mại điện tử để mua hàng hóa, dịch vụ. Các nhà tiếp thị liên kết sẽ nhận được hoa hồng từ nhà cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết dựa trên tỷ lệ chuyển đổi như lượt truy cập, số lượng khách hàng để lại thông tin, doanh thu từ số lượng sản phẩm bán ra qua liên kết.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 30. Dịch vụ logistics cho thương mại điện tử

- Dịch vụ logistics cho thương mại điện tử là dịch vụ logistics theo Luật thương mại, trong đó thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ logistics ký hợp đồng cung cấp dịch vụ logistics cho các nền tảng số thương mại điện tử và người bán trên nền tảng số thương mại điện tử.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 31. Dịch vụ thanh toán cho thương mại điện tử

- Dịch vụ hỗ trợ thanh toán cho thương mại điện tử là dịch vụ do các tổ chức tín dụng cung cấp, hoạt động theo Luật Tổ chức tín dụng, trong đó tổ chức tín dụng ký hợp đồng cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho các nền tảng số thương mại điện tử.

- Thực hiện phân loại giao dịch thanh toán qua nền tảng số thương mại điện tử với thanh toán khác.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương V

CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

Điều 32. Dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

- Dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại là dịch vụ của bên thứ ba về lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn của chứng từ điện tử do các bên khởi tạo trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng thông qua Nền tảng hợp đồng điện tử quốc gia của Bộ Công Thương.

- Thực hiện thủ tục xin cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại với Bộ Công Thương khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Là thương nhân, tổ chức được thành lập theo pháp luật về Việt Nam
- + Có Đề án phù hợp và được Bộ Công Thương thẩm định.
- + Đáp ứng quy định về an toàn thông tin đối với dịch vụ tin cậy theo pháp luật về giao dịch điện tử.

- Nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử:

- + Chịu trách nhiệm về tính bảo mật và toàn vẹn của hợp đồng điện tử mà mình lưu trữ và chứng thực;
- + Cung cấp tài liệu và hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến chứng từ điện tử mà mình lưu trữ và chứng thực;
- + Công bố công khai Quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử với các nội dung theo hướng dẫn của Bộ Công Thương;
- + Kết nối với Nền tảng hợp đồng điện tử quốc gia của Bộ Công Thương,

báo cáo về tình hình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo yêu cầu.

- Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Chương VI

NỀN TẢNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 33. Chức năng của Nền tảng Quản lý hoạt động thương mại điện tử

- Tiếp nhận thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử
- Công bố Danh sách các nền tảng số, nền tảng số trung gian thương mại điện tử hoạt động hợp pháp.
- Công bố công khai danh sách nền tảng số thương mại điện tử, nền tảng số trung gian thương mại điện tử, người bán vi phạm pháp luật.

Điều 34. Danh sách các nền tảng số, nền tảng số trung gian thương mại điện tử

Công bố công khai danh sách nền tảng số thương mại điện tử, nền tảng số trung gian thương mại điện tử, các thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, dịch vụ đánh giá tín nhiệm trong thương mại điện tử hoạt động hợp pháp trên Nền tảng Quản lý hoạt động thương mại điện tử.

Điều 35. Danh sách các nền tảng số, nền tảng số trung gian thương mại điện tử, người bán vi phạm pháp luật Việt Nam

- Công bố công khai danh sách nền tảng số thương mại điện tử, nền tảng số trung gian thương mại điện tử, người bán vi phạm pháp luật trên Nền tảng Quản lý hoạt động thương mại điện tử.
- Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí, quy trình nền tảng số thương mại điện tử, nền tảng số trung gian thương mại điện tử, người bán vi phạm pháp luật về thương mại điện tử phải đăng công khai trên Nền tảng Quản lý hoạt động thương mại điện tử.

Chương VII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 36. Giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử

- Chủ quản nền tảng số thương mại điện tử phải xây dựng hệ thống xử lý

khiếu nại cho người dùng và đảm bảo các nguyên tắc sau:

+ Hệ thống xử lý khiếu nại nội bộ dễ dàng truy cập, thân thiện người dùng, cho phép cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc gửi các khiếu nại có đủ cơ sở chính xác và đầy đủ;

+ Chủ quản nền tảng số thương mại điện tử sẽ xử lý khiếu nại được gửi một cách kịp thời, không phân biệt đối xử, cần trọng.

+ Chủ quản nền tảng số thương mại điện tử sẽ thông báo ngay cho người khiếu nại về quyết định của họ đối với thông tin liên quan đến khiếu nại và khả năng giải quyết tranh chấp ngoài tòa án và các khả năng khắc phục.

+ Chủ quản nền tảng số phải đảm bảo các quyết định được đưa ra dưới sự giám sát của nhân viên có trình độ phù hợp và không chỉ dựa trên các phương tiện tự động.

- Tranh chấp giữa thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ với khách hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được giải quyết trên cơ sở các điều khoản của hợp đồng công bố tại nền tảng số thương mại điện tử tại thời điểm giao kết hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

- Việc giải quyết tranh chấp phải thông qua thương lượng giữa các bên, hòa giải, trọng tài hoặc tòa án theo các thủ tục, quy định hiện hành về giải quyết tranh chấp.

Điều 37. Thanh tra, kiểm tra trong thương mại điện tử

- Các thương nhân, tổ chức có hoạt động thương mại điện tử quy định tại Luật này chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Công Thương, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Xử lý vi phạm hành chính

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Ngoài việc xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan quản lý xem xét tùy theo tính chất, mức độ vi phạm của thương nhân, tổ chức để ra quyết định đình chỉ hoạt động hoặc hủy bỏ thông báo, đăng ký, cấp phép cho nền tảng số thương mại điện tử hoặc bị chặn truy cập cho người dùng Việt Nam.

- Trường hợp thương nhân, tổ chức, cá nhân vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích vật chất của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường theo quy

định của pháp luật.

- Nguyên tắc xử phạt, thời hiệu xử phạt, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Thanh tra Bộ Công Thương, cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành, thanh tra Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan nhà nước khác có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại điện tử theo thẩm quyền quy định tại pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thương mại điện tử.
- Bộ Công Thương là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thương mại điện tử.
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử.
- Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử tại địa phương.

Điều 40. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 20.....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI